

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÀ NẴNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 37
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Nhà nước MTV sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 216/QĐ-HHVN ngày 06/05/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3204000379 ngày 01/04/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 ngày 07/05/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 26 Bạch Đằng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Chung	Chủ tịch	
Ông Trần Lê Tuấn	Thành viên	
Ông Phan Bảo Lộc	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài An	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2022)
Ông Chen Yung Chan	Thành viên	
Ông Tô Minh Thúy	Thành viên	
Bà Hoàng Ngọc Bích	Thành viên	
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Lê Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Dương Đức Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quảng Đức	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phan Thị Nhị Hà	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Phát	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Lê Tuấn**

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng được lập ngày 23 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

**AASC AUDITING FIRM**

*Nguyễn Thị Nhân*

**Nguyễn Thị Nhân**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2959-2020-002-1



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 (đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>893.310.769.962</b>	<b>806.505.066.897</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>102.419.639.607</b>	<b>87.330.813.138</b>
111	1. Tiền		31.558.792.846	33.047.285.444
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.860.846.761	54.283.527.694
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>543.483.366.046</b>	<b>522.894.143.903</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		543.483.366.046	522.894.143.903
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>191.018.812.565</b>	<b>158.309.502.735</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	130.115.754.241	119.684.330.777
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	57.021.409.630	35.860.491.753
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.256.774.195	5.987.578.710
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.375.125.501)	(3.222.898.505)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>23.638.271.601</b>	<b>21.196.397.518</b>
141	1. Hàng tồn kho		23.638.271.601	21.196.397.518
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>32.750.680.143</b>	<b>16.774.209.603</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.149.299.429	2.365.067.177
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.506.073.982	14.409.142.426
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	95.306.732	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.166.095.239.195</b>	<b>983.050.317.054</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.031.204.698.453</b>	<b>911.492.172.121</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	924.734.195.288	800.061.934.892
222	- Nguyên giá		2.323.331.165.736	2.111.543.299.604
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.398.596.970.448)	(1.311.481.364.712)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	106.470.503.165	111.430.237.229
228	- Nguyên giá		117.062.861.857	116.358.251.857
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.592.358.692)	(4.928.014.628)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>77.806.187.140</b>	<b>19.434.344.410</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		77.806.187.140	19.434.344.410
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>32.669.084.128</b>	<b>33.885.084.128</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		30.089.813.149	30.089.813.149
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.795.270.979	3.795.270.979
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.216.000.000)	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>24.415.269.474</b>	<b>18.238.716.395</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	22.793.266.814	17.012.692.235
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	1.566.598.660	1.115.216.160
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		55.404.000	110.808.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.059.406.009.157</b>	<b>1.789.555.383.951</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 (đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>473.270.235.795</b>	<b>307.007.375.477</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>231.484.144.650</b>	<b>170.901.352.601</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	78.971.088.578	39.825.485.501
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		997.907.778	582.096.925
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	33.340.766.700	14.108.171.161
314	4. Phải trả người lao động		69.311.268.764	70.874.909.205
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.067.617.496	1.683.872.105
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.517.565.335	1.483.191.659
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	26.592.845.045	28.106.022.876
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	2.256.912.500	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.428.172.454	14.237.603.169
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>241.786.091.145</b>	<b>136.106.022.876</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	241.786.091.145	136.106.022.876
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.586.135.773.362</b>	<b>1.482.548.008.474</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>1.586.135.773.362</b>	<b>1.482.548.008.474</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		990.000.000.000	990.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		990.000.000.000	990.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(215.000.000)	(215.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		266.154.187.512	206.564.982.414
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		330.196.585.850	286.198.026.060
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		58.442.275.330	43.501.530.869
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		271.754.310.520	242.696.495.191
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.059.406.009.157</b>	<b>1.789.555.383.951</b>

(\*) Số liệu trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 01/01/2022 đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước, theo đó tổng tài sản và tổng nguồn vốn tăng lên số tiền 5.454.776.359 VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 37 - Số liệu so sánh)

Ngô Quốc Văn

Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Ngọc Tâm

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2021
			Năm 2022	(đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.196.375.008.642	1.078.888.885.510
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.196.375.008.642	1.078.888.885.510
11	4. Giá vốn hàng bán	23	734.397.206.259	690.970.765.355
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		461.977.802.383	387.918.120.155
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	40.359.417.185	32.008.965.070
22	7. Chi phí tài chính	25	13.267.146.480	9.929.530.479
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.926.819.457	10.121.190.775
25	8. Chi phí bán hàng	26	17.087.041.587	9.654.547.806
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	134.731.130.376	91.635.453.840
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		337.251.901.125	308.707.553.100
31	11. Thu nhập khác	28	1.554.270.144	1.466.459.835
32	12. Chi phí khác	29	221.832.824	8.077.812.639
40	13. Lợi nhuận khác		1.332.437.320	(6.611.352.804)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		338.584.338.445	302.096.200.296
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	67.281.410.425	59.399.705.105
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(451.382.500)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>271.754.310.520</u>	<u>242.696.495.191</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.745	2.451

(\*) Số liệu trên Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2021 đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước, theo đó Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 4.339.574.798 VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 37 - Số liệu so sánh)

Ngô Quốc Văn

Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Ngọc Tâm

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		338.584.338.445	302.096.200.296
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		104.153.854.685	114.798.313.402
03	- Các khoản dự phòng		3.625.139.496	139.731.400
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.352.163.747)	(256.477.834)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.722.532.204)	(28.874.753.161)
06	- Chi phí lãi vay		8.926.819.457	10.121.190.775
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		421.215.456.132	398.024.204.878
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(29.173.520.671)	7.569.704.836
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.386.470.083)	(765.807.128)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.656.967.738	20.481.491.098
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.564.806.831)	(4.204.847.633)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.809.780.837)	(10.381.498.915)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(46.102.613.532)	(59.632.206.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.475.976.347)	(18.582.249.882)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		319.359.255.569	332.508.791.254
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(273.148.943.884)	(85.992.659.001)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.082.972.030	1.096.505.336
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(370.623.093.185)	(189.675.699.137)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		350.033.871.042	108.656.741.155
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(168.383.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	313.900.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.166.148.474	28.421.861.346
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(262.489.045.523)	(137.347.733.301)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		138.166.263.784	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(31.726.905.568)	(25.464.305.289)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(148.500.000.000)	(148.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(42.060.641.784)	(173.964.305.289)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.809.568.262	21.196.752.664
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		87.330.813.138	66.236.999.996
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		279.258.207	(102.939.522)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>102.419.639.607</u>	<u>87.330.813.138</u>

Ngô Quốc Văn

Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Ngọc Tâm

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn

Tổng Giám đốc

